**BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ QUÝ IV.2022**

**QUỸ ĐẦU TƯ CỔ PHIẾU VIỆT NAM CHỌN LỌC**

1. **THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ**
	1. **Mục tiêu của Quỹ**

Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam (“Quỹ”) nhận giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 91/GCN-UBCK ngày 29 tháng 12 năm 2017. Thời gian phát hành chứng chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng từ 18/01/2018 và kết thúc vào ngày 08/02/2018.

Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 31/GCN-UBCK ngày 02 tháng 03 năm 2018.

Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam được cấp giấy chứng nhận đổi tên thành Quỹ đầu tư Cổ phiếu Việt Nam Chọn Lọc số 05/GCN-UBCK ngày 02 tháng 12 năm 2019.

* 1. **Hiệu quả hoạt động của Quỹ**

 Kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ là **-38.53%** so với giá trị tài sản ròng của quỹ đầu kỳ báo cáo tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Thay đổi NAV/ccq cùng kỳ là **-25.38%**.

* 1. **Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ**

 Chiến lược đầu tư của Quỹ kết hợp linh hoạt chiến lược đầu tư giá trị với đầu tư tăng trưởng. Quỹ sẽ theo đuổi chiến lược đầu tư dài hạn, tập trung phân tích các yếu tố cơ bản và giá trị doanh nghiệp.

 Quỹ sẽ đầu tư chủ yếu vào cổ phiếu của các công ty hiện đang niêm yết và đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán Việt Nam có vốn hóa trung bình và lớn ở tất cả ngành nghề. Quỹ sẽ tận dụng các cơ hội đầu tư đến từ xu hướng tăng trưởng dài hạn của cơ cấu dân số, quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế sang tư nhân và cổ phần hóa, và sự cải thiện về quản trị doanh nghiệp và quy định pháp lý minh bạch theo chuẩn mực quốc tế. Danh mục chứng khoán của quỹ có thể nắm tỷ lệ tập trung tại một số công ty ở một vài ngành nghề cụ thể.

 Quỹ VFMVSF được phép đầu tư vào các loại tài sản như sau: Tiền gửi tại ngân hàng thương mại, công cụ thị trường tiền tệ, trái phiếu chính phủ, cổ phiếu niêm yết, trái phiếu niêm yết của các doanh nghiệp, chứng khoán phái sinh niêm yết và các loại tài sản tài chính khác theo quy định của pháp luật.

* 1. **Phân loại Quỹ**

 Quỹ công chúng dạng mở.

* 1. **Thời gian khuyến cáo đầu tư của Quỹ**

 Quỹ không bị giới hạn về thời hạn hoạt động.

* 1. **Mức độ rủi ro ngắn hạn**

 Cao

* 1. **Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ**

 Quỹ bắt đầu hoạt động từ ngày 2 tháng 3 năm 2018.

* 1. **Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 303,807,914.23 và giá trị tài sản ròng của một đơn vị chứng chỉ quỹ là 10,927.92 Đồng Việt Nam, giá trị tài sản ròng của quỹ là 3,319,991,546,358.00 Đồng Việt Nam.

* 1. **Chỉ số tham chiếu của Quỹ**

 Quỹ không có chỉ số tham chiếu.

* 1. **Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ**

Quỹ phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư dựa trên Nghị quyết của Đại hội Nhà đầu tư, phù hợp với Điều lệ của Quỹ và quy định của pháp luật chứng khoán hiện hành.

* 1. **Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị Chứng chỉ quỹ Quỹ**

Quỹ không có phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư từ khi thành lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2022.

1. **SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG**
	1. **Cơ cấu tài sản quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Cơ cấu tài sản quỹ** | **31/12/2022** | **31/12/2021** | **31/12/2020** |
| Danh mục chứng khoán | 98.02% | 98.89% | 92.89% |
| Tài sản khác | 1.98% | 1.11% | 7.11% |
| **Cộng** | **100.00%** | **100.00%** | **100.00%** |

* 1. **Chi tiết chỉ tiêu hoạt động**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/12/2022** | **31/12/2021** | **31/12/2020** |
| 2.1.Giá trị tài sản ròng của Quỹ | 3,319,991,546,358 | 5,401,131,696,403 | 2,636,232,386,421 |
| 2.2.Tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành |  303,807,914.23  |  368,787,914.23  |  276,079,186.53  |
| 2.3.Giá trị tài sản ròng của một đơn vị Chứng chỉ quỹ (CCQ) | 10,927.92 | 14,645.63 | 9,548.82 |
| 2.4.Giá trị tài sản ròng cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 11,957.25 | 14,653.10 | 9,548.82 |
| 2.5.Giá trị tài sản ròng thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | 9,561.90 | 13,475.39 | 7,706.12 |
| 2.6.Giá cuối ngày của 1 đơn vị CCQ tại ngày báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.7.Giá cuối ngày cao nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.8.Giá cuối ngày thấp nhất của 1 đơn vị CCQ trong kỳ báo cáo | N/A | N/A | N/A |
| 2.9.Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị CCQ | -8.61% | 8.68% | 23.91% |
| 2.9.1.Tăng trưởng vốn (%)/1 đơn vị CCQ (Thay đổi do biến động giá) | 6.29% | 1.51% | 17.30% |
| 2.9.2.Tăng trưởng thu nhập (%)/1 đơn vị CCQ (Tính trên thu nhập đã thực hiện) | -14.89% | 7.17% | 6.62% |
| 2.10.Phân phối gộp trên 1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |
| 2.11.Phân phối ròng trên 1 đơn vị CCQ | N/A | N/A | N/A |
| 2.12.Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) | N/A | N/A | N/A |
| 2.13.Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ (%) | 1.57% | 1.24% | 1.44% |
| 2.14.Tốc độ vòng quay danh mục (lần) | 284.78% | 144.15% | 177.66% |

* 1. **Tăng trưởng qua các thời kỳ**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Giai đoạn** | **Tổng tăng trưởng của NAV/CCQ (%)** | **Tăng trưởng NAV/CCQhàng năm (%)** |
| 1 năm | -25.38 | -25.38 |
| 3 năm | 35.20 | 10.57 |
| Từ khi thành lập | 9.28 | 1.86 |

* 1. **Tăng trưởng hàng năm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời kỳ** | **31/12/2022** | **31/12/2021** | **31/12/2020** |
| Tỷ lệ tăng trưởng (%)/1 đơn vị | -25.38% | 53.38% | 18.13% |

1. **MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ**

 VNINDEX giảm 3.9% trong tháng 12, đóng cửa tại mức 1,007.09 điểm, giảm 32.8% so với đầu năm. Thanh khoản trung bình trong quý 4 là hơn 10,470 tỷ, giảm 13.5% so với quý 3.

Những điểm chính của thị trường trong Q4/2022:

i. Các công ty chứng khoán giảm tỷ lệ cho vay ký quỹ đối với các cổ phiếu bất động sản.

ii. Khối ngoại đẩy mạnh mua ròng khi định giá giảm xuống mức thấp nhất 10 năm.

iii. Tâm lý thị trường vẫn thận trọng khi thị trường bất động sản vẫn gặp khó khăn và rủi ro suy thoái kinh tế toàn cầu gia tăng.

1. **CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ**
	1. **Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **1 năm đến thời điểm báo cáo (%)** | **3 năm gần nhất tính đến thời điểm báo cáo (%)** | **Từ khi thành lập đến thời điểm báo cáo (%)** |
| Tăng trưởng thu nhập/1 đơn vị CCQ | -6.33% | 45.50% | 38.63% |
| Tăng trưởng Vốn/1 đơn vị CCQ | -19.05% | -17.95% | -29.36% |
| Tổng tăng trưởng/1 đơn vị CCQ | -25.38% | 27.55% | 9.28% |
| Tăng trưởng hàng năm (%)/1 đơn vị CCQ | -25.38% | 10.57% | 1.86% |
| Tăng trưởng của danh mục cơ cấu (\*) | N/A | N/A | N/A |
| Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị CCQ (\*\*) | N/A | N/A | N/A |

(\*) Quỹ không có danh mục cơ cấu

(\*\*) Quỹ không có giá trị thị trường



Thay đổi giá trị tài sản ròng

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **31/12/2022****(1)** | **31/12/2021****(2)** | **Tỷ lệ thay đổi****(3) = ((1)-(2))/(2)** |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ | 3,319,991,546,358 | 5,401,131,696,403 | -38.53% |
| Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ | 10,927.92  | 14,645.63  | -25.38% |

 Trong giai đoạn 31/12/2021 – 31/12/2022, giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị CCQ của Quỹ giảm 28.38% do ảnh hưởng thị trường. Ngoài ra, tổng giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ giảm 38.53% trong cùng kỳ.

* 1. **Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Quy mô nắm giữ (Đơn vị)** | **Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ** | **Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ** | **Tỷ lệ nắm giữ** |
| **(%)** |
|  |  |  |  |
| Dưới 5.000 | 11 | 24,500.00 | 0.008% |
| Từ 5.000 đến 10.000 | 3 | 15,500.00 | 0.005% |
| Từ 10.000 đến 50.000 | 1 | 12,000.00 | 0.004% |
| Từ 50.000 đến 500.000 | 2 | 180,000.00 | 0.059% |
| Trên 500.000 | 3 | 303,575,914.23 | 99.924% |
|  |  |  |  |
| **Tổng cộng** | **20** | **303,807,914.23** | **100.00%** |

* 1. **Chi phí ngầm và giảm giá**

 Để hạn chế vấn đề xung đột về lợi ích và đảm bảo sự chính xác của các khoản mục chi phí của Quỹ, Công ty quy định tất cả các nhân viên của Công ty không được phép nhận các khoản giảm giá bằng tiền và không được thực hiện các khoản chi phí ngầm khi thực hiện các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

 Trong kỳ báo cáo, Quỹ không phát sinh các khoản giảm giá bằng tiền hoặc chi phí ngầm liên quan đến các giao dịch của Quỹ với các đối tác cung cấp dịch vụ cho Quỹ.

1. **THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG**

 Trong năm 2022, nền kinh tế ghi nhận phục hồi ấn tượng với mức tăng trưởng 8%, đạt quy mô 408,8 tỷ USD. Đây là tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong 10 năm qua. Với dân số gần 100 triệu người, GDP bình quân đầu người của quốc gia đạt 4.110 USD, tăng 10,8% so với cùng kỳ và chính thức bước vào nhóm thu nhập trung bình cao (>4.045 USD theo định nghĩa của Worldbank). Sản xuất có dấu hiệu chậm lại trong quý IV, cho thấy nền kinh tế có độ mở về thương mại cao như Việt Nam đang chịu ảnh hưởng trước sự suy yếu của các thị trường xuất khẩu chủ chốt như Trung Quốc, EU và Mỹ. Đơn hàng xuất khẩu mới tiếp tục giảm và một số doanh nghiệp cắt giảm nhân sự, khiến PMI tháng thứ hai liên tiếp giảm xuống dưới 50 xuống 46,4 trong tháng 12, sản lượng công nghiệp chỉ tăng +3,0% so với cùng kỳ trong quý 4 và chỉ số tồn kho ngành sản xuất tăng 13,9% so với 2021.

1. **THÔNG TIN KHÁC**

 Thông tin về từng nhân sự điều hành quỹ, Ban đại diện quỹ, và Ban điều hành Công ty quản lý Quỹ như sau:

|  | **Tên** | **Chức vụ** | **Bằng cấp** | **Quá trình công tác** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Nhân sự điều hành Quỹ  | Lương Thị Mỹ Hạnh | Giám đốc quản lý tài sản , khối trong nước | Thạc sỹ Kinh tế | -Từ 2010 đến 12/03/2021: Phó tổng giám đốc – Khối đầu tư nghiên cứu Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.-Từ 12/03/2021 đến nay là Giám đốc Quản lý tài sản, khối trong nước Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| Nguyễn Sang Lộc | Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư | Cử nhân Tài chính | - Từ 16/04/2016 đến 31/12/2016: Chuyên viên nghiên cứu cấp cao – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.- Từ 1/1/2017 đến 31/12/2020: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Việt Nam.- Từ 01/01/2021 đến nay: Trưởng phòng quản lý danh mục đầu tư – Công ty CP quản lý quỹ đầu tư Dragon Capital Việt Nam |
| Ban đại diện Quỹ | Trần Đắc Sinh | Chủ tịch | Tiến sỹ kinh tế | 1997-1999: Vụ trưởng UBCKNN1999-2016: Tổng giám đốc/ Chủ tịch Sở giao dịch chứng khoán TPHCM |
| Vương Thị Hoàng Yến | Thành viên | Cử nhân Kế toán – Kiểm toán | 8/2004-11/2007: kế toán trưởng công ty TNHH Minh Thắng12/2007 – 4/2012:Kiểm toán viên, trưởng phòng kiểm toán công ty kiểm toán AS.9/2012-5/2013: Kiểm toán viên, giám đốc kiểm toán công ty Hợp danh kiểm toán FATừ 2013 đến 2019: Kiểm toán viên, giám đốc kiểm toán công ty kiểm toán Đại Tín.Từ 2019 đến nay: Giám đốc nghiệp vụ Công ty TNHH Kiểm toán Chuẩn Vàng |
| Đặng Việt Hưng | Thành viên | Cử nhân luậtLuật sư | - 10/2014 – 06/2016: Trợ lý pháp lý Bộ phận chuyên môn Công ty Luật TNHH Phương Bắc và Cộng Sự- 07/2016-09/2019: Cộng sự Bộ phận chuyên môn Công ty Luật TNHH RHTLaw Taylor Wessing Việt Nam- 10/2019-03/2022: Luật sư Cộng sự Công ty Luật TNHH RHTLaw Vietnam- 04/2022 đến nay: Chuyên viên Pháp lý và Tuân thủ Công ty CP QLQ Dragon Capital Vietnam (DCVFM) |
| Ban điều hành Công ty Quản lý quỹ | Beat Schurch | Tổng Giám đốc | Thạc sỹ Kinh tế | Từ 30/12/2020 đến nay: Tổng giám đốc Công ty Cổ Phần Quản lý Quỹ Đầu tư Dragon Capital Việt Nam |

 *Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2023*

 **Giám đốc điều hành nghiệp vụ hỗ trợ đầu tư**

 **NGUYỄN MINH ĐĂNG KHÁNH**